TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 667/2017/TLST-HNGĐ 24/8/2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Mộng H, sinh năm 1981. Thường trú: Số 41 Võ Thị S, khóm 3, phường 3, thị xã T, tỉnh Trà V. Chỗ ở hiện nay: Số 614 Quốc lộ 1K, khu phố N 2, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tống Minh K, sinh năm 1983. Thường trú: Số 614, Quốc lộ 1K, khu phố N2, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Mộng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị H và anh K tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã T, tỉnh Trà V, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01, ngày 15/7/2005. Việc kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn, chị H

và anh K sống chung với gia đình chồng tại số 614 Quốc lộ 1K, khu phố N2, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hiện tại, chị H và anh K đang sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Qúa trình sống chung, chị H và anh K có 03 con chung tên Nguyễn Tống Khải H, sinh ngày 27/6/2006; Nguyễn Tống Khải P, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Tống Hạo P1, sinh ngày 15/6/2012. Hiện nay các con đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu được được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/9/2017, bị đơn anh Nguyễn Tống Minh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hiện tại, chị H và anh K đang sống ly thân. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Mộng H và anh Nguyễn Tống Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị H và anh K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Mộng H thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú và sinh sống tại phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 29/8/2017 và 01/9/2017, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Mộng H và anh Nguyễn Tống Minh K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã T, tỉnh Trà V, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01, ngày 15/7/2005, là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh K xác định sau nhiều năm chung sống, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị H và anh K đã cố gắng vì các con để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, hiện nay chị H và anh K đang sống ly thân với nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân của chị H, anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh K có 03 con chung tên Nguyễn Tống Khải H, sinh ngày 27/6/2006; Nguyễn Tống Khải P, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Tống Hạo P1, sinh ngày 15/6/2012. Hiện nay các con đang sống chung với chị H. Xét thấy, trong thời gian trước đây và hiện nay các con do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 01/9/2017, cháu H và cháu P đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Mộng H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Mộng H được ly hôn với anh Nguyễn Tống Minh K.

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Tống Minh K giao các cháu Nguyễn Tống Khải H, sinh ngày 27/6/2006; Nguyễn Tống Khải P, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Tống Hạo P1, sinh ngày 15/6/2012 cho chị Lê Mộng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị H và anh K đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh K lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị H nuôi con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Mộng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010004, ngày 23/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường 3, thị xã T, tỉnh Trà V;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên